TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 294/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h, khoản 2 Điều 39, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông N V Đ, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: số nhà X, Đường số Y, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà N T T T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: số nhà X, Đường số Y, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông N V Đ và bà N T T T cùng có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là loại việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông N V Đ và bà N T T T là hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về các vấn đề tiền bạc, con cái, không tìm được tiếng nói chung dù đã cố hàn gắn nhưng vẫn không thành. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ và bà T xác định có 01 con chung tên N N C A, sinh ngày 22/12/2017. Ông bà thống nhất giao con chung cho bà N T T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông N V Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông N V Đ tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông Đ và bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông Đ và bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N V Đ và bà N T T T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T theo Giấy chứng nhận kết hôn 115/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2016 chấm dứt kể từ ngày quyết định này phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: thống nhất giao con chung tên N N C A, sinh ngày 22/12/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hàng tháng, ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông N V Đ tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0027917 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/9/2020. Bà N T T T không phải chịu lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP.HCM;
- UBND Phường 12, quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài